TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN D** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2024/QĐCNHGT-DS	*D, ngày 22 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của Ngân hàng A và ông Phạm Văn T, bà Đỗ Thị H

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Ngân hàng A;

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 05 tháng 01 năm 2024 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

Người khởi kiện: Ngân hàng A; địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1,2,3 Tòa nhà G, số 36 H, phường O, quận Đa, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Mạnh K - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Võ Đức T, địa chỉ: Tầng 1,2,3 Tòa nhàG, số 36 H, phường O, quận Đ, Thành phố Hà Nội (theo Giấy ủy quyền số 691/UQ-TGĐ.23 ngày 02 tháng 10 năm 2023).

Người bị kiện: Ông Phạm Văn T và bà Đỗ Thị H; cùng địa chỉ: Tổ dân phố V, phường Đ, quận D, thành phố Hải Phòng.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 05 tháng 01 năm 2024 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 05 tháng 01 năm 2024, cụ thể như sau:

- Về khoản nợ: Tạm tính đến hết ngày 05/01/2024, ông Phạm Văn T và bà Đỗ Thị H còn nợ Ngân hàng A số tiền là: 1.895.752.214 đồng thông qua 01 Hợp đồng cho vay từng lần và 01 thẻ tín dụng như sau:

+ Khoản nợ thứ nhất: Theo Hợp đồng cho vay từng lần số 751/22/TD/CN/143 ký ngày 23/06/2022 tạm tính đến hết ngày 05/01/2024, ông Phạm Văn T và bà Đỗ Thị H còn nợ Ngân hàng A số tiền là: 1.822.807.088 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 1.728.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là 93.648.125 đồng; Nợ lãi quá hạn là 1.158.963 đồng)

+ Khoản nợ thứ hai: Theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ABBANK VISA ngày 11/07/2022, tạm tính đến hết ngày 05/01/2024, ông Phạm Văn T và bà Đỗ Thị H còn nợ Ngân hàng A số tiền là: 72.945.126 đồng.

- Ông Phạm Văn T và bà Đỗ Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng A số tiền lãi, phí tiếp tục phát sinh trên số nợ gốc theo Hợp đồng cho vay từng lần số 751/22/TD/CN/143 ký ngày 23/06/2022; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ABBANK VISA ngày 11/07/2022 kể từ ngày 06/01/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Hai bên thống nhất lộ trình thanh toán như sau: Từ tháng 01/2024 đến tháng 5/2024, ông Phạm Văn T và bà Đỗ Thị H có nghĩa vụ thanh toán 50.000.000 đồng/tháng vào ngày 26 hàng tháng và tất toán toàn bộ khoản nợ còn lại trước ngày 30/6/2024. Trường hợp ông Phạm Văn T và bà Đỗ Thị H vi phạm lộ trình thanh toán như đã cam kết, chậm thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng A có quyền đề nghị Cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 87, tờ bản đồ số 73, địa chỉ tại Tổ dân phố V, phường Đ, quận D, thành phố Hải Phòng (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 955121 số vào sổ cấp GCN CH00433/Q2 do UBND quận D, thành phố Hải Phòng cấp ngày 17/05/2016 cấp cho ông Phạm Văn Huấn. Ngày 04/07/2022 đăng ký sang tên cho ông Phạm Văn T và bà Đỗ Thị H. Tài sản được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh quận D, thành phố Hải Phòng) để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng A.

- Về quyền yêu cầu thi hành: Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND D;
- THADS D;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Duyến